

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Năm báo cáo: 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

- Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex IJC) được thành lập từ phương án cổ phần hóa Dự án Quốc lộ 13 trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC Corp.) với căn cứ Quyết định số 3736/QĐ-UBND ngày 21/08/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Dự án quốc lộ 13 thuộc công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp; Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 01/03/2007 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án và chuyển Dự án Quốc lộ 13 trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp thành công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần căn cứ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/07/2007
- Ngày 27/10/2008 Công ty được Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương công nhận đủ điều kiện hoạt động Sàn giao dịch Bất động sản theo công văn số 2269/SXD-QLN.HTKT.
- Ngày 22/01/2009 Công ty được UBCKNN công nhận là Công ty đại chúng theo công văn số 08/UBCK-QLPH.
- Ngày 26/05/2009 Công ty chính thức được tổ chức Bureau Veritas có trụ sở tại Anh quốc cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO phiên bản 9001:2008 cho hoạt động thu phí và môi giới bất động sản

2. Quá trình phát triển:

Ngành nghề kinh doanh:

- Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Thi công điện dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Giám sát xây dựng các công trình giao thông;
- Xây dựng các công trình công cộng;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn

phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân. Mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản;

- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT, BT;
- Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Khai thác khoáng sản;
- Chế biến khoáng sản;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Sản xuất vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất tiêu dùng;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất tiêu dùng;
- Dịch vụ trồng cây xanh, vườn hoa, cây cảnh;
- Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh;
- Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường;
- Xử lý rác thải, vệ sinh môi trường.

Tình hình hoạt động: hoạt động chính của Công ty tập trung vào một số lĩnh vực như sau:

- Khai thác quản lý thu phí giao thông
- Dịch vụ môi giới bất động sản;
Đầu tư và kinh doanh bất động sản

3. Định hướng phát triển: Trở thành nhà phát triển dự án hàng đầu tại khu vực.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

Năm 2009, kinh tế Việt Nam không bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính như năm 2008 nhưng vẫn còn nhiều bất ổn và chưa có dấu hiệu phục hồi rõ nét thể hiện qua tốc độ tăng GDP là 5,32%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 7,6%, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm 9,7% so với năm 2008, nhập khẩu giảm 14,7% so với năm 2008. Vượt qua khó khăn chung, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật vẫn tiếp tục khẳng định vị trí của mình về mọi lĩnh vực hoạt động như sau:

1./ Kết quả hoạt động năm 2009:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2008	% thực hiện	
(1)	(2)	(3)	(4)	5=2/3	6=2/4
Tổng doanh thu	243,34	230,70	223,26	105,47%	108,9%
Lợi nhuận trước thuế	111,93	98,07	107,94	114,13%	103,69%
Lợi nhuận sau thuế	97,63	85,46	95,56	114,24%	102,16%
EPS	1.780	1.558	1.761		

2/ Những thay đổi chủ yếu trong năm và sự kiện tiêu biểu:

+ **Về hoạt động thu phí:** Việc đưa vào sử dụng và vận hành thêm tại mỗi trạm 2 làn thu phí tự động dành riêng cho xe tải, nâng số làn xe thu phí tự động thành 6 làn mỗi trạm. Điều này cũng góp phần làm tăng lưu lượng xe lưu thông qua trạm so với năm 2008

+ **Về hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án:**

Thực hiện chuyên nghiệp hóa các hoạt động quản lý đầu tư và kiểm soát, chú trọng đến chất lượng, sử dụng đơn vị quản lý và nhà thầu có kinh nghiệm để tham gia các dự án: Becamex City Center, IJC Aroma, Green River và nhiều dự án khác

Mạnh dạn triển khai các dự án bất động sản tạo nguồn cung trong thời điểm thị trường khó khăn, đồng thời tận dụng tốt những giai đoạn ấm lên của thị trường bất động sản trong năm 2009 để khai thác hiệu quả các dự án

+ **Hoạt động cộng đồng và xã hội:**

Bên cạnh việc phát triển xây dựng Công ty ngày một vững mạnh. Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng Kỹ thuật không ngừng tham gia các hoạt động cộng đồng xã hội như chi ủng hộ các quỹ từ thiện, người nghèo, ủng hộ đồng bào lũ lụt...v.v, hoạt động này cũng góp phần tạo dựng thương hiệu của Becamex IJC

3/ Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2010:

Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2010 có nhiều yếu tố tích cực và khởi sắc, nhưng cũng gặp không ít khó khăn và thách thức, thị trường vốn nói chung và nguồn vốn Công ty nói riêng có nhiều hạn hẹp. Do đó HĐQT Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh mang tính cân trọng nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của cổ đông và mục tiêu phát triển của Công ty

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2010:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Năm 2009	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu	340,94	234,34	45,48%
Lợi nhuận trước thuế	151,5	111,93	35,35%
Lợi nhuận sau thuế	124,13	97,63	27,14%
Cổ tức	18%/ VĐL	15%/VĐL	

Để đạt kết quả nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật xác định định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2010 như sau:

a. Về hoạt động thu phí:

Triển khai các hoạt động quảng cáo trang bị OBU cho các xe lưu thông qua trạm thu phí đảm bảo lưu lượng xe lưu thông tăng 10% so với năm 2009, kiểm tra giám sát nhằm hạn chế thấp nhất tình trạng thất thoát

b. Hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản:

- Đầu tư có trọng điểm vào các dự án Becamex City center, dự án tổ hợp căn hộ IJC Aroma, dự án nhà phố và biệt thự The Green River, dự án phố thương mại IJC đẩy mạnh hoàn thành các thủ tục có liên quan kịp thời đưa vào kinh doanh và đảm bảo khả năng sinh lời cho các dự án
- Đầu tư xây dựng dự án khu biệt thự Sunflower với tổng diện tích 73.456 m² tại khu trung tâm thành phố mới tỉnh Bình Dương, lựa chọn thời điểm bán hàng thích hợp nhằm tạo dựng hình ảnh dự án và mang lại nguồn thu cho Công ty
- Thực hiện đầu tư dự án Khu dân cư ấp 4 với tổng diện tích 50ha tọa lạc tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Đẩy mạnh hoàn thành các thủ tục có liên quan đến việc thành lập dự án Home Office Becamex Depot, sớm đưa dự án đi vào hoạt động đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường

c. Về công tác quản lý:

- Không ngừng nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp. Thành lập các hội đồng gồm các chuyên gia giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực: đầu tư, tài chính, pháp lý...v.v
- Thực hiện đổi mới công tác quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt mục tiêu kinh doanh trong năm 2010

III. Báo cáo của Ban Giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	
1. Khả năng thanh toán	
Thanh toán nợ ngắn hạn	2,22 lần
Thanh toán nhanh	1,73 lần
2. Khả năng sinh lời	
ROS	42%
ROE	15%
ROA	9%

3. Book value	12.206 đồng
4. Cơ cấu nguồn vốn	
Hệ số nợ / Tổng tài sản	35%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	55%
5. Cơ cấu tài sản	
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	60%
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	40%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật đạt những thành quả đáng ghi nhận như sau:
- Doanh thu thực hiện năm 2009 đạt 243,34 tỷ đồng, bằng 105,47% so với kế hoạch được giao, tăng 8,9% so với năm 2008
- Lợi nhuận sau thuế năm 2009 đạt 97,63 tỷ đồng, bằng 114,24 % so với kế hoạch được giao, tăng 2,16% so với năm 2008
- Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2009 tập trung vào hai lĩnh vực đó chính là: hoạt động thu phí giao thông và hoạt động kinh doanh môi giới bất động sản

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2008	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	5=2/3	6=2/4
Doanh thu					
+ <i>Thu phí</i>	133,69	134,7	111	99,25%	120,44%
+ <i>Kinh doanh, môi giới BDS</i>	100,67	95,9	112	104,97%	89,88%
Lợi nhuận trước thuế:					
+ <i>Thu phí</i>	52,61	64,6	57	81,43%	92,29%
+ <i>Kinh doanh, môi giới BDS</i>	55,38	30	46	184,6%	120,39%

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Về công tác quản lý:

- Không ngừng nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp. Thành lập các hội đồng gồm các chuyên gia giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực: đầu tư, tài chính, pháp lý...v.v
- Thực hiện đổi mới công tác quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt mục tiêu kinh doanh trong năm 2010

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Nhận định năm 2010 nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi, nhưng vẫn còn tiếp tục khó khăn và đầy thách thức, trên cơ sở phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh, để tạo bước đột phá trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, Ban Lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2010 như sau:

A/ Kế hoạch tài chính:

(ĐVT : tỷ đồng)

Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2009	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	340,94	234,38	145,46%
Lợi nhuận trước thuế	151,5	111,93	135,35%
Lợi nhuận sau thuế	124,1	97,63	127,11%
Cổ tức	18%/VĐL	15%/VĐL	

Năm 2010, Công ty đặt mục tiêu doanh thu đạt: 341 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2009. Trong đó:

- Doanh thu thu phí: 139,7 tỷ đồng, tăng 4,5% so với năm 2009.
- Doanh thu môi giới, KDBĐS: 201 tỷ đồng, tăng 100% so với năm 2009.
- + Lợi nhuận trước thuế đạt 151,5 tỷ đồng, tăng 35% so với năm 2009.
- + Lợi nhuận sau thuế 124 tỷ đồng.

B/ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH:

1/ Về chiến lược phát triển thị trường:

Đối với hoạt động thu phí:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng phong cách phục vụ văn minh, hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh Bình Dương.
- Đẩy mạnh công tác quảng cáo và trang bị thiết bị trừ phí tự động – OBU cho các xe lưu thông qua trạm thu phí, nâng tỷ lệ bình quân xe sử dụng OBU qua trạm

mỗi ngày đạt 50% tổng lưu lượng xe qua trạm, phần đầu mức doanh thu cho hoạt động này đạt 139,7 tỷ tăng 4% so với năm 2009

Đối với hoạt động tiếp thị và kinh doanh các dự án bất động sản:

- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, tập trung mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ, phát triển hệ thống kênh phân phối phần đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch cho các dự án

ĐVT: (tỷ đồng)

Tên dự án	Số tiền thu dự kiến năm 2010
Dự án Becamex City Center:	
• Cao ốc New Horizon	61
• Cao ốc Văn phòng Becamex Tower	80
• Block C – Sunrise	60
• Block D - Sunrise	100
Dự án tổ hợp căn hộ IJC Aroma	41
Dự án biệt thự cao cấp Sunflower	73
Dự án Phố thương mại IJC	5

- Tiếp tục nghiên cứu thị trường lựa chọn thời điểm thích hợp thực hiện chào bán Block A, Block B và dãy nhà phố thuộc dự án Becamex City Center
- Dự án phố thương mại IJC: đầu tư phát triển các tiện ích công cộng thu hút đầu tư tại dự án nhằm khuyến khích khách hàng tiếp tục góp vốn thực hiện hợp đồng
- Ngoài hoạt động thu phí mang lại nguồn thu ổn định trong năm. Dự kiến trong quý 1/2010 Công ty ước ghi nhận doanh thu cho hoạt động môi giới và kinh doanh bất động sản đạt khoản 25 tỷ đồng

C/ Hoạt động đầu tư và triển khai các dự án:

1Kế hoạch triển khai các dự án

- Tập trung thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng được giao đặc biệt là các dự án đầu tư trọng điểm:
- Phần đầu thực hiện tốt tiến độ đề ra hoàn thành khối lượng công trình:

▪ **Dự án Becamex City Center:**

New Horizon: Bàn giao căn hộ cho khách hàng và đưa vào vận hành cao ốc vào quý 2 năm 2010.

Becamex Tower: Hoàn thành xây dựng phần khung bê tông cốt thép 23 tầng và chuẩn bị triển khai công tác hoàn thiện.

Cao ốc Sunrise:

- o *Block C* :Hoàn thành xây dựng phần khung bê tông cốt thép, chuẩn bị công tác hoàn thiện bàn giao nhà.
- o *Block D*:Hoàn thành xây dựng phần khung bê tông cốt thép.
- o *Block A & Block B*: Hoàn thành xây dựng tầng hầm và tầng trệt.

Nhà phố thương mại :

Xây dựng và hoàn thiện phần thô 18 căn nhà phố mặt tiền đường 30/4 và 12 căn nhà phố mặt đường nội bộ. Xây mới thêm 9 căn mặt tiền đường 30/4 và 6 căn mặt tiền Đại lộ Bình Dương.

- **Dự án tổ hợp căn hộ IJC AROMA - Thành phố Mới Bình Dương** Triển khai thi công phần thân Block A. Xây dựng nhà mẫu tại Block B.
- **Dự án The Green River:**

Năm 2009. Công ty thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng để đầu tư mở rộng dự án khu the Green River và nhằm đảm bảo chỉ tiêu sinh lợi cho toàn dự án. Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật xây dựng bổ sung và chỉnh sửa phương án đầu tư cho dự án này như sau:

- Vị trí: ấp 5B Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Tổng diện tích : 60 ha.Trong đó diện tích xây dựng: 372.863 m2
- Tổng mức đầu tư: 2.086 tỷ đồng
- Tiến độ xây dựng:
 - o Năm 2009-2010: chuyển nhượng Quyền sử dụng đất
 - o Năm 2011-2015: tiến hành đầu tư xây dựng.

Dự án có doanh thu dự kiến là 3.844,5 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế dự kiến là 631,2 tỷ đồng; thời gian hoàn vốn 4 năm 9 tháng

D/ Công tác đầu tư mới:

Dự án Biệt thự cao cấp Sunflower – Thành phố Mới Bình Dương :

Dự án có diện tích 47.206 m2 tọa lạc tại Lô N7 và N8 Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp Công nghiệp-Dịch vụ-Đô thị Bình Dương, được thiết kế gồm 110 căn hộ biệt thự với tổng mức đầu tư là 1.340 tỷ đồng. Doanh thu dự kiến là 1.612 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến là 369 tỷ đồng và thời gian thu hồi vốn trong thời gian 6 năm 5 tháng

Tiến độ xây dựng:

Năm 2010: xây dựng 36 căn hộ, tương đương 33% khối lượng dự án. Năm 2011: xây dựng 41 căn hộ, tương đương 37% khối lượng dự án. Năm 2012: xây dựng 33 căn hộ, tương đương 30% khối lượng dự án.

Dự án tại Khu dân cư ROSEMARY

- Lập phương án đầu tư dự án *Khu dân cư ROSEMARY* có tổng diện tích 50ha, trong đó gồm 32ha đất ở và 18ha đất giao thông – công viên. Dự án tọa lạc tại ấp 4, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương - cạnh khu đô thị sinh thái Ecolakes Mỹ Phước, trên trục đường Vành Đai 4 (TP.HCM) – lộ giới 62m, kết nối với đường Mỹ Phước – Tân Vạn.

IV. Báo cáo tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		418,143,954,797	367,353,470,487
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6,974,601,082	9,304,128,363
1.	Tiền	111		1,974,601,082	9,304,128,363
2.	Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		292,347,125,238	298,903,640,213
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	18,371,299,116	6,768,584,900
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	12,237,542,358	39,617,965,796
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	261,738,283,764	252,517,089,517
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		91,951,215,530	56,226,802,723
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	91,951,215,530	56,226,802,723
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		26,871,012,947	2,918,899,188
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	113,219,669	393,140,678

2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		289,772,428	2,232,592,660
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	26,468,020,850	293,165,850

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		617,479,601,834	639,014,245,524
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		606,183,245,466	626,590,902,139
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	605,066,869,784	625,347,642,868
	<i>Nguyên giá</i>	222		714,438,881,822	709,273,036,321
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(109,372,012,038)	(83,925,393,453)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1,116,375,682	1,243,259,271
	<i>Nguyên giá</i>	228		1,382,390,241	1,243,259,271
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(266,014,559)	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-

2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		11,296,356,368	12,423,343,385
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	10,951,519,803	8,683,200,065
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	3,573,425	3,579,343,320
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.12	341,263,140	160,800,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,035,623,556,631	1,006,367,716,011

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		366,256,827,011	426,255,657,775
I.	Nợ ngắn hạn	310		188,685,918,861	281,682,457,175
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	63,663,369,368	94,600,089,368
2.	Phải trả người bán	312	V.14	10,160,852,699	20,338,241,704
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.15	43,698,429,673	67,474,456,520
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	10,235,001,898	9,112,597,054
5.	Phải trả người lao động	315	V.17	881,875,200	1,231,293,040
6.	Chi phí phải trả	316	V.18	5,628,161,964	14,648,323,256
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	54,418,228,059	74,277,456,233
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		177,570,908,150	144,573,200,600
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	177,496,377,238	144,482,000,000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-

6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	74,530,912	91,200,600
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		669,366,729,620	580,112,058,236
I.	Vốn chủ sở hữu	410		669,366,729,620	580,112,058,236
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	548,389,050,000	548,389,050,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	5,126,942,988	298,599,902
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	9,955,286,074	298,599,902
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	105,895,450,558	31,125,808,432
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,035,623,556,631	1,006,367,716,011
				-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-

5.	Ngoại tệ các loại	-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	243,340,882,938	223,261,877,134
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8,953,363,638	7,702,000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	234,387,519,300	223,254,175,134
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	71,966,999,747	86,591,910,733
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		162,420,519,553	136,662,264,401
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,600,912,510	7,134,958,735
7.	Chi phí tài chính	22		29,593,377,812	16,057,681,309
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		29,593,377,812	16,057,681,309
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.4	17,547,067,969	11,537,719,425
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7,588,223,444	6,035,147,086
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		109,292,762,838	110,166,675,316
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	2,790,177,797	363,395,457
12.	Chi phí khác	32	VI.7	145,337,657	2,586,559,075
13.	Lợi nhuận khác	40		2,644,840,140	(2,223,163,618)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111,937,602,978	107,943,511,698
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	10,726,265,348	14,955,993,302
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	3,575,769,895	(3,579,343,320)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		97,635,567,735	96,566,861,716
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1,780	1,761

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		111,937,602,978	107,943,511,698
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, V.9	25,764,063,255	20,791,757,343
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.6, VI.7	(8,411,068)	-
- Chi phí lãi vay	06		29,593,377,812	16,057,681,309
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		167,286,632,977	144,792,950,350
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17,631,226,794)	(259,207,695,247)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35,724,412,807)	(53,985,748,036)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7,090,426,043	30,819,556,536
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,988,398,729)	(8,281,545,812)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(28,267,327,633)	(15,582,753,077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(9,231,976,372)	(14,468,864,183)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	VII.2	(2,477,156,943)	(298,599,902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		79,056,559,742	(176,212,699,371)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(25,992,600,561)	(78,065,176,821)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25,992,600,561)	(78,065,176,821)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	2,500,000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13, V.20	69,403,781,419	206,450,089,368
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(67,326,124,181)	(122,392,590,000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(57,471,143,700)	(32,464,660,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40		(55,393,486,462)	51,595,338,868
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50		(2,329,527,281)	(202,682,537,324)
Tiền và tương đương tiền đầu năm		60	V.1	9,304,128,363	211,986,665,687
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm		70	V.1	6,974,601,082	9,304,128,363
				-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.

Hình thức sở hữu vốn

:

Công ty cổ phần
2.

Lĩnh vực kinh doanh

:

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.
3.

Ngành nghề kinh doanh

:

Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản; Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 3 của Công ty kể từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.
2.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- 2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

- 2. **Hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- 3. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.
- 4. **Tài sản cố định hữu hình**
Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 8

- 5. **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Như vậy:

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu Công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm thứ 4 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rót giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho

mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	334.127.490	497.886
Tiền gửi ngân hàng	1.640.473.592	9.303.630.477
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	5.000.000.000	-
Cộng	<u>6.974.601.082</u>	<u>9.304.128.363</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các khách hàng mua nhà Lô K47, K48 Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Bất Động Sản - tiền xây dựng Lô F13-68 căn khu phố Phú An, Mỹ Phước	12.578.406.380	6.735.284.900
Phải thu các khách hàng mua vé tháng	5.685.250.000	-
Phải thu các khách hàng khác	16.200.000	33.300.000
Cộng	<u>91.442.736</u>	<u>-</u>
	<u>18.371.299.116</u>	<u>6.768.584.900</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Ngôi Sao	1.100.622.500	246.493.500

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Mỹ thuật Quảng cáo Chí Thành	-	552.347.700
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	616.033.618	2.251.709.896
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Việt Phát	10.114.710.000	9.301.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Tân Gia Phát	-	3.008.538.900
Công ty TNHH Xây dựng Quang Đức	-	9.548.709.800
Công ty TNHH Nam Việt Mỹ	-	14.586.000.000
Các nhà cung cấp khác	406.176.240	123.166.000
Cộng	12.237.542.358	39.617.965.796

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố Thương mại IJC2 (Lô K47-48-49)	14.762.847.000	21.741.885.000
Phải thu từ ứng trước tiền đền bù giải toả Dự án Becamex City Center	202.236.898.091	193.106.937.840
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hoà, Bến Cát, Bình Dương xây dựng Dự án Khu biệt thự The Green River (Lô 5B18, 5B19)	7.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hoà, Bến Cát, Bình Dương xây dựng Dự án Khu biệt thự The Green River (Lô 5B22, 5B23)	6.500.000.000	-
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hoà, Bến Cát, Bình Dương xây dựng Dự án Khu biệt thự The Green River (Lô 5B30, 5B31)	6.500.000.000	-
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố thương mại IJC (Lô L55)	7.819.704.629	7.819.704.629
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố Thương mại IJC2 (Lô K33-34)	9.248.250.000	9.248.250.000
Các khoản phải thu khác	7.670.584.044	600.312.048
Cộng	261.738.283.764	252.517.089.517

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	364.146.340
Công cụ, dụng cụ	251.635.155	1.240.148.270
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	82.584.956.221	51.216.279.313
Hàng hóa	9.114.624.154	3.406.228.800
Cộng	91.951.215.530	56.226.802.723

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.833.336	-	(2.833.336)	-
Chi phí quảng cáo cho hoạt động kinh doanh bất động sản	16.491.674	-	(16.491.674)	-
Chi phí duy tu, sửa chữa	373.815.668	374.282.212	(634.878.211)	113.219.669

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Quốc lộ 13 Cộng	393.140.678	374.282.212	(654.203.221)	113.219.669

7. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên Công ty. Chi tiết:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng công tác	865.020.850	293.165.850
Tạm ứng để đặt cọc mua bất động sản	25.603.000.000	-
Cộng	26.468.020.850	293.165.850

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	698.805.223.314	735.855.835	2.249.642.268	7.482.314.904	709.273.036.321
Mua trong năm	200.000.000	85.714.286	1.153.157.239	3.798.564.448	5.237.435.973
Thanh lý, nhượng bán	-	(71.590.472)	-	-	(71.590.472)
Số cuối năm	699.005.223.314	749.979.649	3.402.799.507	11.280.879.352	714.438.881.822

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

- - - - -

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	81.572.417.608	197.166.963	439.591.057	1.716.217.825	83.925.393.453
Khấu hao trong năm	23.048.160.909	110.342.373	484.012.992	1.855.532.422	25.498.048.696
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.430.111)	-	-	(51.430.111)
Số cuối năm	104.620.578.517	256.079.225	923.604.049	3.571.750.247	109.372.012.038

Giá trị còn lại

Số đầu năm	617.232.805.706	538.688.872	1.810.051.211	5.766.097.079	625.347.642.868
Số cuối năm	594.384.644.797	493.900.424	2.479.195.458	7.709.129.105	605.066.869.784

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

- - - - -

Đang chờ thanh lý

24.537.174 52.844.677 - 435.812.965 513.194.816

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 697.639.363.371 VND và 593.609.301.192 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.243.259.271
Mua trong năm	139.130.970
Số cuối năm	1.382.390.241

Giá trị hao mòn

	Phần mềm máy tính
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	266.014.559
Số cuối năm	266.014.559
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.243.259.271
Số cuối năm	1.116.375.682

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.283.693.854	2.460.583.269	(1.218.494.968)	2.525.782.155
Chi phí sơn vạch luồng giao thông Quốc lộ 13	3.018.311.600	602.753.632	(2.713.076.808)	907.988.424
Trang thiết bị thu phí tự động gắn trên xe (IS OBU 360)	4.381.194.611	4.545.976.956	(1.409.422.343)	7.517.749.224
Cộng	8.683.200.065	7.609.313.857	(5.340.994.119)	10.951.519.803

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	3.579.343.320
Hoàn nhập trong năm	(3.575.769.895)
Số cuối năm	3.573.425

12. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn. Chi tiết:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuê văn phòng Công ty	160.800.000	160.800.000
Thuê văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	180.463.140	-
Cộng	341.263.140	160.800.000

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	4.215.093.504	58.600.089.368
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	59.448.275.864	36.000.000.000
Cộng	63.663.369.368	94.600.089.368

(*) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động.

- Thời hạn vay : 3 tháng.
- Lãi suất : 0,875%/tháng – 1%/tháng.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình, huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu Công nghiệp Tân Định, Bến Cát” (Dự án I) theo Hợp đồng thế chấp số 04/83576/HĐ ngày 21 tháng 12 năm 2004.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển sang tiền vay trung hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	58.600.089.368	34.403.781.419	-	(21.239.917.283)	(67.548.860.000)	4.215.093.504
Vay dài hạn đến hạn trả	36.000.000.000	-	69.534.482.762	(46.086.206.898)	-	59.448.275.864
Cộng	94.600.089.368	34.403.781.419	69.534.482.762	(67.326.124.181)	(67.548.860.000)	63.663.369.368

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phúc Cường	-	318.574.802
Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức I	9.307.674.730	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Xuyên Á	251.613.550	-
Các nhà cung cấp khác	601.564.419	19.666.902
Cộng	10.160.852.699	20.338.241.704

15. Người mua trả tiền trước

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty đang đầu tư.
Chi tiết:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu phố Thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	22.477.856.819	59.422.376.520
Khu phố Thương mại IJC - Mỹ Phước 3	8.364.200.000	6.150.000.000
Khu biệt thự The Green River	13.302.118.309	1.902.000.000
Khách hàng khác	32.700.000	80.000
Trừ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (xem thuyết minh số V.16)	(478.445.455)	-
Cộng	43.698.429.673	67.474.456.520

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	739.977.908	15.991.384.437	(16.731.362.345)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.228.608.055	10.726.265.348	(9.231.976.372)	9.722.897.031
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	478.445.455	-	478.445.455
Thuế thu nhập cá nhân	144.011.091	369.791.278	(480.142.957)	33.659.412
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	9.112.597.054	27.568.886.518	(26.446.481.674)	10.235.001.898

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.11.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

a) Hoạt động kinh doanh thu phí

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
----------------	------------------

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.614.544.900	56.801.331.324
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	699.965.962
- Các khoản điều chỉnh giảm	(690.487.349)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	51.924.057.551	57.501.297.286
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	12.981.014.388	14.375.324.322
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	(3.582.412.721)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T	(9.333.667.390)	(9.089.146.450)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính	(1.094.204.099)	(374.093.269)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>2.553.142.899</u>	<u>1.329.671.882</u>

b) Hoạt động kinh doanh khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.323.058.078	51.142.180.374
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	495.231.301	16.747.191.879
- Các khoản điều chỉnh giảm	(13.957.835.907)	-
Tổng thu nhập tính thuế	45.860.453.472	67.889.372.253
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	11.465.113.368	19.009.024.231
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	147.543.092	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính	(3.439.534.011)	(5.382.702.810)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>8.173.122.449</u>	<u>13.626.321.421</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2009 còn phải trả cho nhân viên Công ty.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước giá vốn xây dựng nhà	3.651.021.942	13.826.609.294
Chi phí lãi vay phải trả	1.800.978.411	474.928.232
Tiền điện, điện thoại	35.004.511	151.294.730
Chi phí phải trả khác	141.157.100	195.491.000
Cộng	<u>5.628.161.964</u>	<u>14.648.323.256</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	87.188	319.680
Kinh phí công đoàn	238.340.146	207.058.472
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	52.746.000.000	9.601.000.000
Khoản tiền thu trước của khách hàng mua căn hộ New Horizon do Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp làm chủ đầu tư	-	3.906.694.240
Khoản tiền thu trước của khách hàng mua nhà ở lô F13 Khu phố Phú An do Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản làm chủ đầu tư	-	8.049.750.000
Phải trả cổ tức năm 2008 cho các cổ đông theo tỷ lệ tạm chia 12% trên vốn điều lệ	-	51.987.253.200
Tiền bảo hành còn phải trả cho nhà cung cấp	932.140.725	248.340.641
Các khoản phải trả, phải nộp khác	501.660.000	277.040.000
Cộng	<u>54.418.228.059</u>	<u>74.277.456.233</u>

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(a)	79.030.860.000	44.482.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(b)	98.465.517.238	100.000.000.000
Cộng	<u>177.496.377.238</u>	<u>144.482.000.000</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để:
- Nhận lại nợ vay từ việc cổ phần hoá và chuyển Dự án BOT Quốc lộ 13 trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC Corp.) thành Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex IJC) theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: "Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 - tỉnh Bình Dương từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu Công nghiệp Tân Định, Bến Cát" (Dự án I) theo Hợp đồng thế chấp số 04/83576/HĐ ngày 21 tháng 12 năm 2004.
 - Đầu tư thực hiện dự án: Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 tỉnh Bình Dương (Dự án 2 từ Km 28+000 đến km 65+355 dài 37,584 km, phân khối lượng dở dang còn lại sau IPO) theo Hợp đồng thế chấp số 01/1728454/HĐTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bù đắp nguồn vốn đã huy động tạm thời khác để đầu tư xây dựng Dự án II "Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 - tỉnh Bình Dương từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rót giáp ranh tỉnh Bình Phước". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: "Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 - tỉnh Bình Dương từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rót giáp ranh tỉnh Bình Phước" (Dự án II) theo Hợp đồng thế chấp số 058/08/BĐ ngày 18 tháng 12 năm 2008.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	59.448.275.864
Trên 1 năm đến 5 năm	177.496.377.238
Tổng nợ	236.944.653.102

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Tăng do kết chuyển từ vay ngắn hạn</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	44.482.000.000	-	67.548.860.000	(33.000.000.000)	79.030.860.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	100.000.000.000	35.000.000.000	-	(36.534.482.762)	98.465.517.238
Cộng	144.482.000.000	35.000.000.000	67.548.860.000	(69.534.482.762)	177.496.377.238

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	91.200.600
Số chi trong năm	(16.669.688)
Số cuối năm	74.530.912

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	548.386.550.000	-	-	19.906.660.122	568.293.210.122
Tăng vốn trong năm	2.500.000	-	-	-	2.500.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	96.566.861.716	96.566.861.716
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	298.599.902	298.599.902	(895.799.706)	(298.599.902)
Chi cổ tức năm trước	-	-	-	(18.645.227.700)	(18.645.227.700)
Tạm ứng 12% cổ tức trên vốn điều lệ năm 2008 cho các cổ đông	-	-	-	(65.806.686.000)	(65.806.686.000)
Số dư cuối năm trước	548.389.050.000	298.599.902	298.599.902	31.125.808.432	580.112.058.236
Số dư đầu năm nay	548.389.050.000	298.599.902	298.599.902	31.125.808.432	580.112.058.236
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	97.635.567.735	97.635.567.735
Trích lập các quỹ	-	4.828.343.086	9.656.686.172	(17.382.035.109)	(2.897.005.851)
Chi cổ tức bổ sung năm trước (1%/vốn điều lệ)	-	-	-	(5.483.890.500)	(5.483.890.500)
Số dư cuối năm nay	548.389.050.000	5.126.942.988	9.955.286.074	105.895.450.558	669.366.729.620

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	57.471.143.700
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	57.471.143.700

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	54.838.905	54.838.905
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	54.838.905	54.838.905
- Cổ phiếu phổ thông	54.838.905	54.838.905
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	54.838.905	54.838.905
- Cổ phiếu phổ thông	54.838.905	54.838.905
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	243.340.882.938	223.261.877.134
- Doanh thu bán hàng hóa	-	9.637.506
- Doanh thu vé cầu đường	133.694.445.433	111.180.726.015
- Doanh thu môi giới bất động sản	95.440.145	281.818.182
- Doanh thu xây dựng nhà ở	60.563.668.174	111.789.695.431
- Doanh thu đầu tư cơ sở hạ tầng	48.970.056.458	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường	17.272.728	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(8.953.363.638)	(7.702.000)
- Giảm giá hàng bán	(12.000.000)	-
- Hàng bán bị trả lại	(8.941.363.638)	(7.702.000)
Doanh thu thuần	234.387.519.300	223.254.175.134
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	9.637.506
- Doanh thu thuần bán vé cầu đường	133.694.445.433	111.173.024.015
- Doanh thu thuần môi giới bất động sản	79.531.054	281.818.182
- Doanh thu thuần xây dựng nhà ở	52.561.668.174	111.789.695.431
- Doanh thu đầu tư cơ sở hạ tầng	48.034.601.911	-
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường	17.272.728	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	10.302.552
Giá vốn hoạt động bán vé cầu đường	35.878.025.494	27.536.071.328
Giá vốn hoạt động xây dựng nhà ở	31.963.628.025	59.045.536.853
Giá vốn hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng	4.125.346.228	-
Cộng	71.966.999.747	86.591.910.733

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.361.330.218	6.788.519.348
Chi phí nguyên vật liệu	3.124.758.920	1.752.037.008
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	630.308.412	683.764.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	719.170.907	585.887.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.344.567.270	345.605.004
Chi phí khác	4.366.932.242	1.381.905.300
Cộng	17.547.067.969	11.537.719.425

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.474.452.506	2.804.091.738
Chi phí nguyên vật liệu	266.810.956	217.306.665
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	417.630.398	341.920.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	390.569.598	268.471.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.406.335.455	1.212.733.263
Chi phí khác	1.632.424.531	1.190.623.605
Cộng	7.588.223.444	6.035.147.086

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	28.571.429	-
Thu từ bồi thường do làm hỏng các trụ đèn chiếu sáng	159.746.363	287.799.545
Thu từ bán phế liệu	-	75.335.455
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.000.000.000	-
Thu nhập từ chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	601.860.005	-
Thu nhập khác	-	260.457
Cộng	2.790.177.797	363.395.457

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	20.160.361	-
Chi phí vật tư sửa chữa các trụ đèn chiếu sáng bị hư hỏng	124.945.995	139.779.705
Chi phí nộp phạt do vi phạm hành chính	231.301	54.701.582
Chi phí bồi thường cho khách hàng mua nhà lô A14 Khu dân cư Hoà Lợi	-	2.275.100.000
Chi phí in cước đường bộ Đại lộ Bình Dương phải huỷ do thay đổi mệnh giá	-	116.977.788
Cộng	145.337.657	2.586.559.075

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	97.635.567.735	96.566.861.716
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	97.635.567.735	96.566.861.716
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	54.838.905	54.838.899
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.780	1.761

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	54.838.905	54.838.655
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 09 tháng 01 năm 2008	-	244
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	54.838.905	54.838.899

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.029.675.080	3.945.911.037
Chi phí nhân công	12.948.864.329	10.891.442.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.764.063.255	20.791.757.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.186.154.795	6.835.577.258
Chi phí khác	6.084.559.448	2.644.249.809
Cộng	61.013.316.907	45.108.937.839

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các công nợ phải thu, phải trả liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	-	20.000.000.000
Trả trước cho người bán để đầu tư mua sắm tài sản cố định	616.033.618	-

2. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi ký quỹ, ký cược dài hạn	180.463.140	-
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.296.693.803	298.599.902
Cộng	2.477.156.943	298.599.902

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	401.405.561	380.221.888
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	5.048.960	3.592.512
Tiền thưởng	113.641.200	76.137.200
Cộng	520.095.721	459.951.600

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần bê tông Becamex	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị (Becamex UDJ)	Công ty trong cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp		
Mua công cụ dụng cụ, hàng hoá	-	145.035.000
Phải thu từ ứng trước tiền đền bù giải toả Dự án Becamex City Center	9.129.960.251	193.106.937.840
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hoà, Bến Cát, Bình Dương xây dựng Dự án Khu biệt thự The	-	20.000.000.000

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Green River		
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố thương mại IJC (Lô L55)	-	7.819.704.629
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố Thương mại IJC2 (Lô K33-34)	-	9.248.250.000
Phải trả chi phí cải tạo sân giao dịch bất động sản	-	782.474.660
Phải trả chi phí thi công Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (Dự án II)	-	94.104.099.000
Lắp đặt hệ thống thu phí sử dụng mạng cáp quang	-	913.054.812
Thuê lại mặt bằng trạm Suối Giữa	-	97.493.550
Lắp đặt hệ thống thu phí sử dụng công nghệ hồng ngoại	-	6.117.654.800
Nhập vé cầu đường Quốc lộ 13 chưa thanh toán	217.872.000	-
Cổ tức năm 2008 phải trả	4.112.917.875	49.354.987.200
Công ty Cổ phần bê tông Becamex		
Chi phí sơn gia nhiệt và sơn lạnh phải trả	99.276.496	-
Mua nguyên vật liệu	8.557.490	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex		
Mua nguyên vật liệu	10.285.714	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị (Becamex UDJ)		
Mua nguyên vật liệu	140.569.523	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp		
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố Thương mại IJC2 (Lô K47-48-49)	14.762.847.000	21.741.885.000
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hoà, Bến Cát, Bình Dương xây dựng Dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B18, 5B19) - Hợp đồng 58/HĐKT/2008 ngày 18 tháng 02 năm 2008	7.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hoà, Bến Cát, Bình Dương xây dựng Dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B22, 5B23) - Hợp đồng 61/HĐKT/2008 ngày 22 tháng 02 năm 2008	6.500.000.000	-
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hoà, Bến Cát, Bình Dương xây dựng Dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B30, 5B31) - Hợp đồng 62/HĐKT/2008 ngày 25 tháng 02 năm 2008	6.500.000.000	-
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố thương mại IJC (Lô L55) - Hợp đồng 234/HĐKT/2008 ngày 27 tháng 6 năm 2008	7.819.704.629	7.819.704.629
Phải thu từ ứng trước tiền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố Thương mại IJC2 (Lô K33-34) - Hợp đồng 47/HĐKT/2008 ngày 01 tháng 02 năm 2008	9.248.250.000	9.248.250.000
Phải thu từ ứng trước tiền đền bù giải toả Dự án Becamex City Center - Hợp đồng 02/HTKD	202.236.898.091	193.106.937.840

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
ngày 13 tháng 11 năm 2007		
Cộng nợ phải thu	<u>254.067.699.720</u>	<u>251.916.777.469</u>
Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp		
Phải trả chi phí thi công Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (Dự án II)	-	20.000.000.000
Phải trả cổ tức 2008 (tạm ứng 12%/vốn điều lệ)	-	49.354.987.200
Công ty Cổ phần bê tông Becamex		
Chi phí sơn gia nhiệt và sơn lạnh phải trả	4.963.825	-
Cộng nợ phải trả	<u>4.963.825</u>	<u>69.354.987.200</u>

2. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	862.662.528	914.313.312
Trên 1 năm đến 5 năm	3.672.789.120	14.668.128
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>4.535.451.648</u>	<u>928.981.440</u>

Công ty thuê mặt bằng kinh doanh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ 2 năm đến 6 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê hàng năm được quy định trong hợp đồng.

3. Thông tin khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Ho Chi Minh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

www.auditconsult.com.vn

Số: 0138/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2010, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2010

Để xem đầy đủ báo cáo quyết toán tài chính năm 2009 đã kiểm toán, mời cổ đông vào website:
www.becamexijc.com

Nguyễn Mai Tiểu Hương - Kiểm toán viên

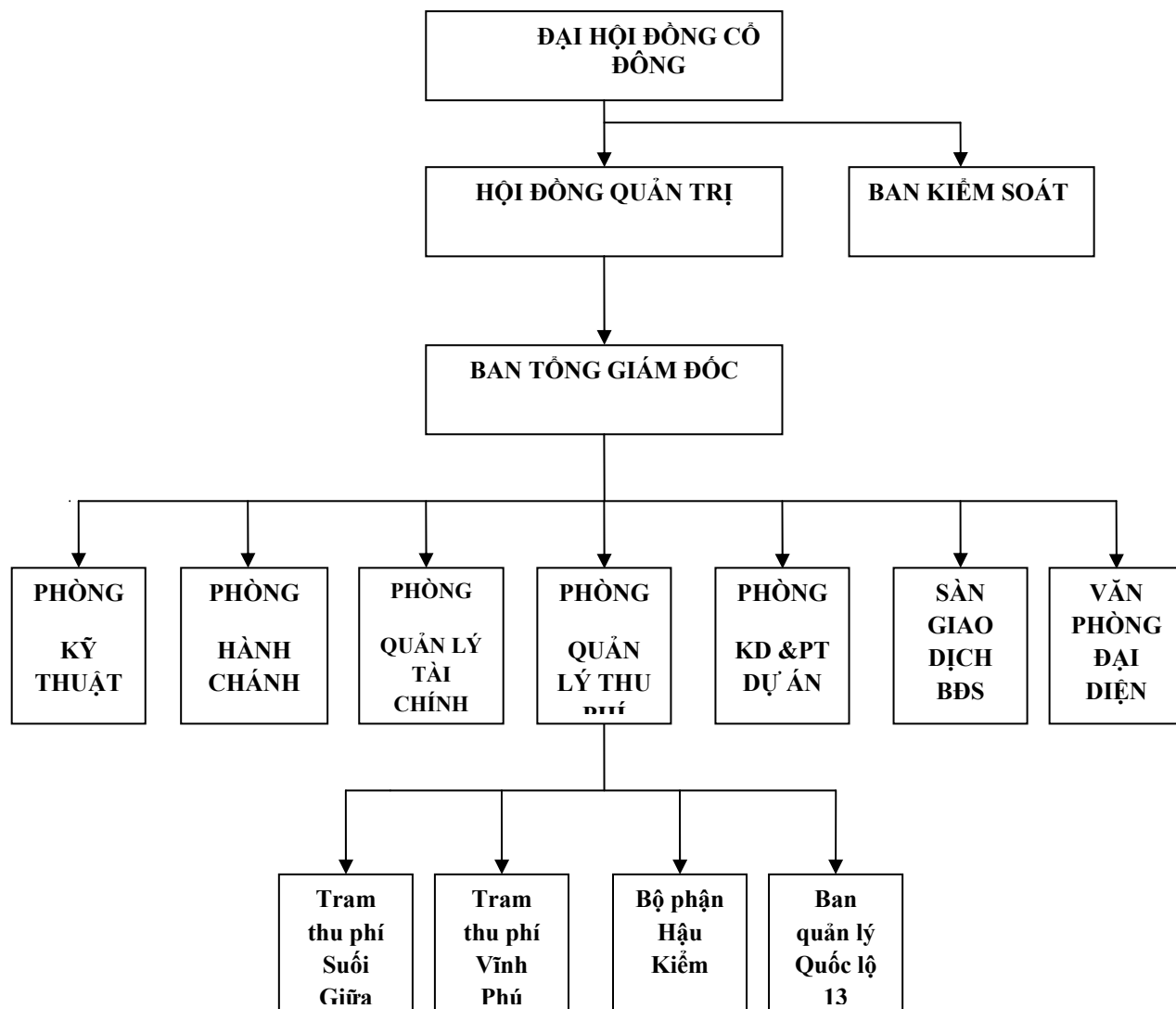
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0191/KTV

Member of **HLB** international - A world-wide organization of professional accounting firms and business advisers

5

VI. Tổ chức nhân sự:

- Cơ cấu tổ chức của Công ty:



- Lý lịch của Ban điều hành:

a. TỔNG GIÁM ĐỐC:

Ông ĐỖ QUANG NGÔN

- Họ và tên: Đỗ Quang Ngôn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/06/1967
- Nơi sinh: Bình Dương
- CMND số: 280312675
- Ngày cấp: 17/08/2006
- Nơi cấp: Công an Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: Ô 1, B 3, Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0650 -3848789
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1989 - 1991: Nhân viên công ty thương mại Tổng hợp

- Từ 1992 – 1994: Phó Giám đốc chi nhánh Lạng Sơn
- Từ 1995 – 1998: Kế toán trưởng trạm Móng Cái
- Từ 1999 – 2001: Trưởng bộ phận quản lý thu phí QL.13
- Từ 2002 – 2004: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bóng đá Bình Dương
- Từ 2005 – 2007: Giám đốc nhà máy sản xuất Bê tông thép
- Từ 2007- đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
- Chức vụ Công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần nắm giữ :
 - + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: Không
- Số lượng cổ phần của người có liên quan đang nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Có
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không

b. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông LÊ VĂN HẬU

- Họ và tên : Lê Văn Hậu
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/04/1957
- Nơi sinh : Thành phố Huế
- CMND số : 280136017
- Ngày cấp : 12/04/2005
- Nơi cấp : Công an tỉnh Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 30 Nguyễn Văn Hớn, TXTDM, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.3848 789
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng kinh tế
- Quá trình công tác :
 - Trước năm 1998: Trưởng phòng kế hoạch Công ty cao su tỉnh Sông Bé
 - Từ 1999: Trợ lý kế hoạch – Phó Giám đốc nhà máy cao su Công ty Becamex
 - Từ 2002: Phụ trách dự án Bê tông – Becamex Corp
 - Từ 2007- đến nay: Giám đốc dự án Becamex City Center
Phó Tổng Giám đốc Becamex IJC
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: Không
 - + Đại diện sở hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan đang nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

KẾ TOÁN TRƯỞNG:

Ông TRỊNH THANH HÙNG

- Họ và tên : Trịnh Thanh Hùng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/02/1965
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- CMND số : 280809460
- Ngày cấp : 03/12/1998
- Nơi cấp : Công an Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Triệu Sơn – Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 60 Văn Công Khai, TX. TDM, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650 .3848 789
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- Quá trình công tác :
 - Từ 1998-1992: Kế toán viên- Công ty chăn nuôi VIFACO Bình Dương
 - Từ 1993-1996: Phó phòng kế toán - Công ty chăn nuôi VIFACO Bình Dương
 - Từ 1997-2007: Kế toán trưởng - Công ty chăn nuôi VIFACO Bình Dương
 - Từ 2007- đến nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
- Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: Không
 - + Đại diện sở hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan đang nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Thu nhập của các thành viên ban giám đốc

- Tiền lương: 401.405.561
- BHXH, BHYT: 5.048.960
- Tiền thưởng: 113.641.200
- Tổng cộng: **520.095.721**

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- **Số lượng người lao động trong công ty:**

Chỉ tiêu	Tính đến 31/12/2009	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (tính trên tổng lao động)
1. Lao động đã qua đào tạo	68	29,43%
Đại học và trên Đại học	46	19,91%
Trung Cấp, Cao đẳng	22	9,52%
2. Lao động phổ thông	163	70,57%
Tổng Cộng	231	100%

- Các chế độ lương, thưởng, trợ cấp của người lao động được công ty tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật Lao động và hợp đồng lao động đã ký kết với nhân viên công ty.
- Công ty thực hiện quy chế trả lương theo thời gian và theo công việc, thực hiện chế độ ăn giữa ca nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và chất lượng lao động.
- Hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, công ty khen thưởng cho người lao động theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao tạo động lực cho người lao động luôn phấn đấu trong công việc.
- Với chính sách lương thưởng công bằng, linh hoạt; chính sách đào tạo phù hợp, tạo cơ hội thăng tiến cho đội ngũ nhân viên trẻ có năng lực cùng với môi trường làm việc thân thiện đã xây dựng nên văn hóa doanh nghiệp giúp công ty duy trì và phát triển được nguồn nhân lực có thể đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại và trong tương lai.

VII. Thông tin cổ đông và Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Số lượng thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật có 6 thành viên gồm các ông/bà:

- Ông Bùi Văn Đức – Chủ tịch HĐQT
- Ông Quảng Văn Viết Cương – Phó CT.HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Dung – Thành viên
- Ông Đỗ Quang Ngôn – Thành viên
- Ông Nguyễn Hoàn Vũ – Thành viên

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2009, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 3 cuộc họp định kỳ nhằm kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị thực hiện vai trò chỉ đạo đề ra các nghị quyết, quyết định và định hướng nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện cho ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ của mình cụ thể như:

- Thông qua kế hoạch vay vốn để đầu tư dự án Becamex Tower và chung cư tại thành phố mới Bình Dương với số tiền là 150 tỷ đồng
- Thành lập văn phòng đại diện của Công ty tại địa chỉ số 60A Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, Tp.HCM với mục đích tiếp thị quảng bá thương hiệu về các dự án bất động sản của Công ty đến các nhà đầu tư tại khu vực Tp.HCM
- Theo dõi việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm và tình hình triển khai kế hoạch
- Thực hiện xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM ; việc chuẩn bị các hồ sơ có liên quan đến việc niêm yết, lưu ký đăng ký chứng khoán theo đúng quy định
- Thông qua việc hoãn tăng vốn điều lệ để thực hiện dự án đường cao tốc Mỹ Phước- Tân Vạn theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 10/04/2009
- Phê duyệt thực hiện đầu tư dự án IJC Aroma tại khu thành phố mới Bình Dương với diện tích hơn 21.000 m², tổng vốn đầu tư 500 tỷ đồng ; thời gian xây dựng từ 2009-2014
- Thông qua chủ trương đầu tư dự án khu biệt thự Sunflower với tổng diện tích 73.456 m² tọa lạc tại Trung tâm thành phố mới tỉnh Bình Dương. Dự án có tổng vốn đầu tư là 1.100 tỷ đồng
- Thông qua chủ trương đầu tư nghiên cứu, lập dự án Becamex Home & Office Project nhằm đáp ứng nhu cầu về trang thiết bị văn phòng và nội thất gia đình phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; tổng vốn đầu tư dự kiến là 100 tỷ đồng

Bên cạnh việc thực hiện vai trò chỉ đạo, Hội đồng quản trị không ngừng thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty. Nhìn chung qua một năm hoạt động Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của Becamex IJC đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của Công ty đó là:

- Hoàn thành vượt mức kế hoạch về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 do Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2009 đề ra
- Xây dựng chính sách điều hành Công ty linh hoạt, đúng đắn, kịp thời;
- Phát triển đội ngũ nhân viên năng động có trình độ cao phù hợp với yêu cầu công việc

Thành viên Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban kiểm soát có 3 người gồm các ông/bà:

Bà Dương Thị Hồng Ty - Trưởng ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thanh Huy – Thành viên

Ông Huỳnh Vĩnh Thành – Thành viên

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm, Ban Kiểm Soát Công ty, đã tiến hành thực hiện những hoạt động kiểm tra giám sát trên một số lĩnh vực như sau :

Kiểm soát chiến lược : Xem xét đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh .

Kiểm soát hoạt động : Xem xét đánh giá việc tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của ban Tổng Giám Đốc. Các quy trình trọng yếu và các định mức kinh tế kỹ thuật

Kiểm soát báo cáo tài chính : Kiểm tra giám sát báo cáo tài chính quý năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu và tình hình tài chính của công ty .

- Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi trả trong năm 2009:

	Số người	Số tiền thù lao (đồng)
Hội đồng quản trị	6	371.000.000
Ban kiểm soát	3	114.000.000
Tổng cộng		485.000.000

- Số lượng thành viên HĐQT đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 4 người

+ Bùi Văn Đức – Chủ tịch HĐQT

+ Quảng Văn Viết Cương – Phó CT.HĐQT

+ Nguyễn Hoàn Vũ – Thành viên HĐQT

+ Đỗ Quang Ngôn – Thành viên HĐQT

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu
Bùi Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	480 cổ phiếu
Đỗ Quang Ngôn	Thành viên HĐQT	20.000 cổ phiếu

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông :

2.1 Cổ đông nhà nước:

Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)
Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp	41.129.156	75%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương	2.193.555	4%

Cổ đông lớn:

Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Vietnam Dragon Fund Limited	C/o 1901 Melinh Point, 2 Ngô Đức Kế, Q.1, Tp.HCM	3.637.600	6,3%
Cty TNHH Quản lý quỹ đầu tư CK IPA	1 Nguyễn Thượng Hiền, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	3.250.000	5,92%

2.2 Cổ đông sáng lập:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	230 Đại lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TX.TDM, Bình Dương	41.129.156	75%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	37 Yersin, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	2.193.555	4%
Hồ Hồng Thạch	84/41/54 KP2, Phú Hòa, TDM, BD	4.875	0,009%

2.3 Cổ đông nước ngoài:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
The Blackhorse Enhanced Vietnam	50 Raffles Place, #38-06, Singapore Land Tower, Singapore 048623	825.000	1,5%
Legacy Emerging Asia Limited	Phòng 11-08, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Q.1, Tp.HCM	50.000	0,091%
Vietnam Emerging Market Fund	Phòng 11-08, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Q.1,	193.750	0,35%

	Tp.HCM		
Kim Hee Joong	Công ty TNHH Deawoo Việt Nam, Tân Định, Bến Cát, Bình Dương	6.862	0,0125%
Temasia Capital Limited	34F The Lee Gardens, 33 Hysan Avenue, Causeway Bay, Hong Kong	113.750	0,207%
Kwon Young Sam	Số 2, Đại lộ Tự do, KCN VSIP, Thuận An, Bình Dương	6.000	0,01%

TỔNG GIÁM ĐỐC
(đã ký)

ĐỖ QUANG NGÔN